

SỞ TÀI CHÍNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2018

Số : 7336 /STC-QHPX

V/v xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định 72/2018/NĐ-CP, điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân 24 quận huyện;
- Phòng Tài chính kế hoạch 24 quận huyện.

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Thông thư số 06/2018/TT-BNV ngày 31/5/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện mức lương cơ sở đối với các đối tượng hưởng lương, phụ cấp trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội;

Sở Tài chính hướng dẫn việc xác định nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở như sau:

I/ Xác định nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP:

1/ Đối tượng áp dụng:

a/ Cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở quận, huyện;

b/ Công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý và viên chức hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

c/ Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số

lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ).

d/ Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp hưởng hoạt động phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

e/ Các đối tượng sau đây cũng thuộc phạm vi áp dụng khi tính toán xác định mức đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ liên quan đến tiền lương theo quy định của pháp luật:

- Cán bộ, công chức, viên chức đi học, thực tập, công tác, điều trị, điều dưỡng trong nước và ngoài nước thuộc danh sách trả lương của cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;

- Người đang trong thời gian tập sự hoặc thử việc (kể cả tập sự công chức cấp xã) trong cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động;

- Cán bộ, công chức, viên chức đang bị tạm đình chỉ công tác, đang bị tạm giữ, tạm giam;

- Các trường hợp làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được ký kết hợp đồng lao động theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2/ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2018.

3/ Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) được xác định như sau: Biên chế hành chính nhà nước, biên chế sự nghiệp, biên chế của các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền; biên chế cán bộ chuyên trách, công chức cấp xã, cán bộ không chuyên trách được xác định trong phạm vi định biên quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009.

4/ Nhu cầu thực hiện điều chỉnh tiền lương **không bao gồm**:

a/ Số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2018; các cơ quan, đơn vị xử lý theo quy định của pháp luật.

b/ Người làm việc theo chế độ hợp đồng:

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, đơn vị của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế

độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong số lượng người làm việc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này.

5/ Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP cho các đối tượng căn cứ vào mức tiền lương cơ sở tăng thêm; hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ; hệ số phụ cấp lương theo chế độ quy định (không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ và các khoản phụ cấp được quy định bằng mức tuyệt đối), tỷ lệ các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn)

6/ Nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP của các quận huyện bao gồm cả kinh phí tăng thêm thực hiện các chế độ, chính sách sau:

- Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư;

- Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

7/ Nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 9/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

8/ Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được căn cứ vào số đối tượng có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2018, mức trợ cấp tăng thêm theo quy định tại Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ và Thông tư số 08/2018/TT-BNV ngày 28/6/2018 của Bộ Nội vụ.

9/ Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01/7/2018 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2018.

II/ Về xác định nguồn để đảm bảo nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP:

1/ Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2018 được xác định như sau:

a/ Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2018 (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) đã được cấp có thẩm quyền giao của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp;

- 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2018 so dự toán năm 2017;

- 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể tăng thu từ nguồn thu tiền sử dụng đất) thực hiện năm 2017 so dự toán năm 2017;

- Nguồn thu được để lại theo chế độ quy định năm 2018; Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2018; Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

- Nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

- Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (từ định mức chi hoạt động, chi lương dành ra cho số biên chế được tinh giản; từ phần ngân sách nhà nước dành ra khi tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập và từ các giải pháp khác nếu có theo quy định).

b/ Trường hợp nguồn kinh phí nhỏ hơn nhu cầu kinh phí thực hiện thì ngân sách thành phố sẽ bổ sung **phần chênh lệch thiếu cho các quận huyện để đảm bảo đủ nguồn thực hiện.**

c/ Trường hợp nguồn kinh phí lớn hơn nhu cầu kinh phí thực hiện thì các quận huyện tự đảm bảo phần kinh phí thực hiện; **phần chênh lệch lớn hơn để chỉ cho thực hiện chế độ tiền lương mới tăng thêm khi Chính phủ tiếp tục ban hành, **chỉ cho các nội dung theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố**, không sử dụng phần kinh phí còn lại này cho các mục tiêu khác.**

2/ Số thu được để lại theo chế độ quy định:

Số thu được để lại theo chế độ quy định nêu trên không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí cho hoạt động thu; Phạm vi và tỷ lệ trích từ nguồn thu để lại chú ý một số điểm sau:

a) Đối với cơ quan hành chính: sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các

chi phí trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Đối với số thu học phí chính quy: sử dụng tối thiểu 40% số thu để thực hiện cải cách tiền lương được tính trên toàn bộ số thu học phí (bao gồm cả kinh phí được ngân sách nhà nước cấp bù học phí theo quy định).

- Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: sử dụng tối thiểu 35% số thu sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

- Đối với số thu dịch vụ, các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: sử dụng tối thiểu 40% số thu từ các hoạt động trên sau khi loại trừ các chi phí trực tiếp đã tính vào giá dịch vụ cho các hoạt động này và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

III/ Chế độ báo cáo về nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP:

1/ Về biểu mẫu:

- Nhu cầu kinh phí: biểu số 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e, 2g phụ lục đính kèm.
- Nguồn kinh phí: biểu số 4a, 4b phụ lục đính kèm.

2/ Về thời gian gửi báo cáo:

Để Sở Tài chính có cơ sở tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính về nhu cầu và nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ, đề nghị Ủy ban nhân dân các quận, huyện quan tâm và khẩn trương thực hiện báo cáo theo các biểu mẫu đính kèm gửi về Sở Tài chính – phòng Quản lý ngân sách quận huyện, phường xã – **trước ngày 15/11/2018**

IV/ Phương thức chi trả kinh phí thực hiện các Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP:

Đối với các quận huyện có **nguồn lớn hơn nhu cầu** kinh phí thực hiện Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2018/NĐ-CP, các quận huyện chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương ngân sách quận huyện để bổ sung nguồn kinh phí cho các đơn vị còn thiếu nguồn.

Đối với các quận huyện **không đủ** nguồn kinh phí (nhu cầu lớn hơn nguồn) để chi trả tiền lương tăng thêm; Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các quận huyện, Sở Tài chính sẽ thẩm định và tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt **bổ sung** dự toán (phần chênh lệch thiếu) cho các đơn vị

để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện. Căn cứ vào quyết định bổ sung dự toán, phòng tài chính kế hoạch các quận huyện rút dự toán để phân bổ nguồn kinh phí thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp tăng thêm cho các đơn vị.

Trong khi chờ cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân quận huyện chỉ đạo các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc quận huyện và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn chủ động sử dụng dự toán ngân sách năm 2018 đã được giao và nguồn thu được để lại theo chế độ để kịp thời chi trả cho người hưởng lương, phụ cấp theo mức lương cơ sở mới. Trường hợp đơn vị không đảm bảo được nguồn, đề nghị Ủy ban nhân dân quận huyện chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch xem xét cân đối từ ngân sách quận huyện ứng trước để đảm bảo nguồn cho các đơn vị thực hiện. Số kinh phí đã ứng trước và số sử dụng này được hoàn lại nguồn bằng số bổ sung kinh phí để thực hiện tiền lương, trợ cấp tăng thêm của cấp có thẩm quyền.

Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các quận huyện chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện.

Nơi nhận :

- Như trên;
- BGĐ;
- Lưu VP, QH.L.06.

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Thắng

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 72/2018/NĐ-CP NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO HOẠC PHÊ DUYỆT NĂM 2018	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2018	QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP TRONG THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 47/2017/ND-CP														QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP TRONG THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/ND-CP														CHẾNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/ND-CP NĂM 2018
				TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó										CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, KPCD			
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	KHÁC				PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	KHÁC				
1	2	3	4	5=6+7+18	6	7=8+...+17	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=20+21+32	20	21=22+...+31	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33=19+5	34=33x60%
	Tổng số																																
1	SN giáo dục - đào tạo																																
	- Giáo dục:																																
	Trong đó: đơn vị tự đảm bảo (3)																																
	- Đào tạo																																
	Trong đó: đơn vị tự đảm bảo(3)																																
2	SN y tế																																
	- Bệnh viện																																
	Trong đó: đơn vị tự đảm bảo(3)																																
	- Trung tâm y tế																																
	Trong đó: đơn vị tự đảm bảo(3)																																
3	Khóa học-công nghệ																																
4	Văn hoá thông tin																																
	- Trung tâm văn hóa																																
	- Nhà thiếu nhi																																
5	Phát thanh truyền hình																																
6	Thể dục - thể thao																																
7	Đảm bảo xã hội																																
8	Hoạt động kinh tế																																
9	Sự nghiệp môi trường																																
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																																
a	Cấp huyện																																
	Trong đó: - Quản lý nhà nước																																
	- Đảng																																
	- Đoàn thể																																
b	Cán bộ chuyển trách, công chức xã																																
c	Cán bộ không chuyển trách cấp xã																																
d	Hoạt động phi đại biểu HĐND các cấp																																
	+ Cấp huyện																																
	+ Cấp xã																																
e	Phụ cấp trách nhiệm cấp uỷ																																
	+ Ủy viên cấp huyện																																
	+ Ủy viên cấp xã																																

Ghi chú:
(1) Chỉ tính các khoản phụ cấp do Trung ương quy định, không kể tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ, phụ cấp theo mức tuyệt đối;
(2) Mức đóng BHXH là 17,5%, BHYT là 1%, KPCD là 2%
(3) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên
(4) Tổng số đối tượng tại cột 4 không được vượt quá số đối tượng tại cột 3

BẢNG TỔNG HỢP TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2018	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2017/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 88/2018/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP 1 THÁNG TĂNG THÊM	BHYT TĂNG THÊM 1 THÁNG	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2018
		1	2	3	4= 3-2	5=1x0,09x4,5%	6=(4+5)x6th
	Tổng số						
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.		1,846	1,974	0,128		
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên, Thư ký UBND, Thư ký HĐND, xã đội trưởng		1,786	1,910	0,124		
3	Các chức danh còn lại		1,653	1,768	0,115		

UBND quận, huyện ...
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH 28/2015/NĐ-CP NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Quyết toán thu nộp BHTN năm 2017		Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt năm 2018	Tổng số đối tượng hưởng lương có mặt đến 01/7/2018 nộp BHTN	Tổng QL, phụ cấp và BH thất nghiệp tháng 7/2018 theo ND 47/2017/ND-CP						Tổng QL, phụ cấp và BH thất nghiệp tháng 7/2018 theo ND 72/2018/ND-CP						Chênh lệch Bảo hiểm thất nghiệp tăng thêm 1 tháng	Nhu cầu thực hiện BHTN năm 2018		
		Tổng số đối tượng	Thu của người lao động và người sử dụng lao động (2%)			Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp tính BHTN	Trong đó			1% Bảo hiểm thất nghiệp	Tổng cộng	Mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng các khoản phụ cấp tính BHTN	Trong đó				1% Bảo hiểm thất nghiệp	
									Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung	p.cấp thâm niên nghề					Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp vượt khung				p.cấp thâm niên nghề
A	B	1	2	3	4	5=6+7+11	6	7=8+9+10	8	9	10	11=(6+7)x1%	12=13+14+18	13	14=15+16+17	15	16	17	18=(13+14)x1%	19=18-11	20=19x6th
	Tổng số																				
1	SN giáo dục - đào tạo																				
	- Giáo dục:																				
	- Đào tạo																				
2	SN y tế																				
	- Bệnh viện																				
	- Trung tâm y tế																				
3	Khoa học-công nghệ																				
4	Văn hoá thông tin																				
	- Trung tâm văn hóa																				
	- Nhà thiếu nhi																				
5	Phát thanh truyền hình																				
6	Thể dục - thể thao																				
7	Đảm bảo xã hội																				
8	Hoạt động kinh tế																				
9	Sự nghiệp môi trường																				
10	Quản lý nhà nước																				
	- Quận huyện																				
	- Phường xã																				

Ghi chú:
(1) Tổng số đối tượng tại cột 4 không được vượt quá số đối tượng tại cột 3

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN BHXH

UBND quận, huyện ...
(Ký tên, đóng d

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐỂ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ, THÔN VÀ TỔ DÂN PHỐ NĂM 2018

Tổng số xã, phường, thị trấn:

trong đó cấp xã loại I: ... xã, cấp xã loại 2: ... xã, cấp xã loại 3: ... xã

Tổng số thôn, tổ dân phố:

STT	CHỈ TIÊU	TỔNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, THÔN, TỔ DÂN PHỐ	SỐ LƯỢNG CÁN BỘ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ
A	B	1	2
	Tổng số		
I	Xã, phường, thị trấn		
1	Xã loại I		
2	Xã loại II		
3	Xã loại III		
II	Thôn, tổ dân phố		
1	Xã loại I, loại II		
	- Thôn thuộc xã loại I		
	- Thôn thuộc xã loại II		
2	Số xã trọng điểm, phức tạp về an ninh		
	- Số thôn, tổ dân phố thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh		
3	Số xã còn lại		
	- Số thôn thuộc các xã còn lại		

UBND quận, huyện...

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM TỪ VIỆC THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ, SÁP NHẬP ĐƠN VỊ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

STT	Phân loại đơn vị	Tổng số đối tượng có mặt đến 31/12/2015	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2017	Quỹ lương, phụ cấp tháng 7 năm 2017 (lương 1,3)	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2018	Quỹ lương, phụ cấp tháng 7 năm 2018 (lương 1,3)	Quỹ lương, phụ cấp tiết kiệm trong 1 tháng	Kinh phí tiết kiệm được từ định mức chi hoạt động trong 1 tháng	Quỹ lương, phụ cấp và định mức chi hoạt động tiết kiệm trong năm 2018 so với năm 2017 (1)
A	B	1	2	3	4	5	6=5-3	7	8
	Tổng số								
I	Quản lý nhà nước								
II	Sự nghiệp công lập								
1	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (2)								
2	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên (2)								
3	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên								
4	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên								

Ghi chú:

(1) Tính toán dự trên thời gian tính giản biên chế thực tế trong năm (có thể nhỏ hơn 12 tháng). Tổng hợp vào biểu 4a

(2) Đối với các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; tự đảm bảo chi thường xuyên, chi báo cáo số lượng biên chế tính giản, không tổng hợp nhu cầu lương, định mức chi hoạt động tiết kiệm

UBND quận, huyện...
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM TỪ VIỆC THAY ĐỔI CƠ CHẾ TỰ CHỦ TRONG NĂM 2018 SO VỚI NĂM 2017 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

STT	Phân loại đơn vị	Số lượng đơn vị đến 31/12/2017	Số lượng đơn vị đến 31/12/2018	Số lượng đơn vị thay đổi loại hình cơ chế tự chủ		Kinh phí tiết kiệm được từ việc thay đổi cơ chế tự chủ trong 1 tháng (1)	Kinh phí tiết kiệm trong năm 2018 so với năm 2017 (2)
				Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số						
1	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư						
2	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên						
3	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên						
4	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên						

Ghi chú:

- (1) Phân ngân sách nhà nước giảm hỗ trợ cho đơn vị
- (2) Tính toán dựa trên thời gian thay đổi cơ chế tự chủ trong năm (có thể nhỏ hơn 12 tháng). Tổng hợp vào biểu 4a
- (3) Kinh phí tiết kiệm được không bao gồm phần kinh phí tiết kiệm từ việc tinh giản biên chế, sát nhập đơn vị đã được tổng hợp tại biểu 2d

UBND quận, huyện...

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG THEO HỢP ĐỒNG KHU VỰC HÀNH CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LƯƠNG CÓ MẶT ĐẾN 01/7/2018 (1)	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP TRONG THÁNG 7/2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2018/NĐ-CP (2)			
			TỔNG CỘNG	MỨC LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC, CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP	CÁC KHOẢN ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7
	Tổng số					
1	SN giáo dục - đào tạo					
	- Giáo dục:					
	<i>Trong đó: đơn vị tự đảm bảo (3)</i>					
	- Đào tạo					
	<i>Trong đó: đơn vị tự đảm bảo(3)</i>					
2	SN y tế					
	- Bệnh viện					
	<i>Trong đó: đơn vị tự đảm bảo(3)</i>					
	- Trung tâm y tế					
	<i>Trong đó: đơn vị tự đảm bảo(3)</i>					
3	Khoa học-công nghệ					
4	Văn hoá thông tin					
	- Trung tâm văn hóa					
	- Nhà thiếu nhi					
5	Phát thanh truyền hình					
6	Thể dục - thể thao					
7	Đảm bảo xã hội					
8	Hoạt động kinh tế					
9	Sự nghiệp môi trường					
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					

Ghi chú:

- (1) Bao gồm đối tượng theo hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP và hợp đồng lao động khác
- (2) Không tổng hợp vào biểu 2a và biểu 4a
- (3) Bao gồm các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên

BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2018	
1	50% tăng thu NSDP (không kể tăng thu tiền sử dụng đất) thực hiện 2017 so dự toán năm 2017	
2	50% tăng thu NSDP (không kể tăng thu tiền sử dụng đất) dự toán năm 2018 so với dự toán 2017	
3	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán 2018	
4	Số thu được để lại đơn vị năm 2018 dùng để thực hiện chế độ tiền lương	
a	Nguồn huy động từ các đơn vị tự đảm bảo (1)	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
b	Nguồn huy động từ các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên	
	+ Học phí	
	+ Viện phí	
	+ Nguồn thu khác	
5	Nguồn tiết kiệm chi gắn với thực hiện các giải pháp sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết 18, 19 (nếu có)	
	+ Từ việc tinh giản biên chế, tổ chức lại bộ máy (2)	
	+ Từ việc sát nhập các đầu mối, cơ quan, đơn vị (2)	
	+ Từ việc thay đổi cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp (3)	
6	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 chưa sử dụng hết chuyển sang 2018	
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2018	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 47/2017/NĐ-CP và Nghị định số 76/2017/NĐ-CP tính đủ 12 tháng (4)	
II	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ công chức khu vực hành chính, sự nghiệp	
	<i>Trong đó: nhu cầu tăng thêm đối với các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo (5)</i>	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phí tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo NĐ 88/2018/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm để thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008	
II	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định	
1	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018 theo NĐ số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 (Đối tượng đã được thẩm định)	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2018 theo NĐ 26/2015/NĐ-CP ngày 9/3/2015	
C	CHÊNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2018	
1	Phần thiếu ngân sách thành phố hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện CCTL còn dư	

Ghi chú:

- (1), (5) Bao gồm các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên
 (4) Theo nhu cầu đã thẩm định khi thực hiện CCTL năm 2017 tính đủ 12 tháng
 (2) Chi tiết theo biểu 2d
 (3) Chi tiết theo biểu 2e

ND quận, huyện,
tên, đóng dấu

TỔNG HỢP NGUỒN VÀ NHU CẦU THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 72/2017/NĐ-CP NĂM 2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2018	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN, NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ VÀ NGUỒN TIẾT KIỆM THEO NGHỊ QUYẾT 18, 19					
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2018	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP			TIẾT KIỆM CHI THEO NGHỊ QUYẾT 18, 19
					HỌC PHÍ	VIỆN PHÍ	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP KHÁC	
A	B Tổng số	1	2=3+...+7	3	4	5	6	7
1	SN giáo dục - đào tạo							
	- Giáo dục:							
	- Đào tạo							
2	SN y tế							
	- Bệnh viện							
	- Trung tâm y tế							
3	Khoa học-công nghệ							
4	Văn hoá thông tin							
	- Trung tâm văn hóa							
	- Nhà thiếu nhi							
5	Phát thanh truyền hình							
6	Thể dục - thể thao							
7	Đảm bảo xã hội							
	<i>Trong đó: cán bộ xã đã nghỉ việc</i>							
8	Sự nghiệp kinh tế							
9	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể							
a	Cấp huyện							
	<i>Trong đó: - Quản lý nhà nước</i>							
	- Đảng							
	- Đoàn thể							
b	Cán bộ chuyên trách, công chức xã							
c	Cán bộ không chuyên trách xã, thôn, tổ dân phố							
d	Hoạt động phi đại biểu HĐND các cấp							
	+ Cấp huyện							
	+ Cấp xã							
đ	Phụ cấp trách nhiệm cấp uỷ							
	+ Ủy viên cấp huyện							
	+ Ủy viên cấp xã							

UBND quận, huyện...
(Ký tên, đóng dấu)